

Số: 06/2022/QĐST-HNGĐ

Đ. H, ngày 28 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/3/2022 về việc “*Xin ly hôn*” giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ Ph, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Ch Hr, TP. K. T, tỉnh K. T.

Bị đơn: Anh Võ Thanh Th, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ. L, huyện Đ. H, tỉnh K. T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Võ Thanh Th và chị Lê Thị Mỹ Ph.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Thanh Th và chị Lê Thị Mỹ Ph xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hai đương sự tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Hai đương sự xác nhận vợ chồng không có con chung. Hiện tại chị Lê Thị Mỹ Ph không có thai với anh Võ Thanh Th nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Thuận tình ly hôn là **150.000** đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) các đương sự phải chịu. Chị Lê Thị Mỹ Ph thỏa thuận chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Ph đã nộp là **300.000** đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0001637 ngày 07/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Hà, tỉnh K. T. Chị Lê Thị Mỹ Ph được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là **150.000** đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đ.N;
- TAND tỉnh K. T;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H;
- Chi cục THADS huyện Đ. H;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Quách Văn N